

Bản án số: 302/2026/HS-ST
Ngày: 25/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thùy Dung – Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 196/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2026/QĐXXST-HS ngày 7 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 526/20226/HSST-QĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 và Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số 600/TB-TA ngày 11 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Tên gọi khác: T lùn; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01/01/1976; Nơi sinh: tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: tổ I, khu phố T, phường P, thành phố Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: lớp 4/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Nguyễn Văn G, sinh năm 1922 (Đã chết); Họ tên mẹ: Phạm Thị B, sinh năm 1930 (Đã chết); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ: Lê Thị Kim H, sinh năm 1984; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 28/11/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam T – Trại Tạm giam số 1 Công an thành phố Đ.

Bị hại: Ông Trần Chí T1, sinh năm 2002 (chết)

Người đại diện hợp pháp: ông Huỳnh Cao N, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp P, xã B, tỉnh Đồng Nai (nay là Thành phố Đ). Vắng mặt

Ông Giang Đông K, sinh năm 2002 (chết)

Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 2005 (chết)

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn B1, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp A, xã T, C (nay là xã P), thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 50 phút ngày 07/3/2021, Trần Chí T1, sinh ngày 18/05/2002, thường trú: ấp G, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, thành phố Đ) không có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe mô tô biển số 59X1 – 580.17 chở Giang Đông K, sinh ngày 19/08/2002, thường trú: ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau) và Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 15/07/2005, thường trú: ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau) ngồi phía sau, trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu: 107,57 mg/100ml, lưu thông trên đường V, ở làn đường sát lề phải theo hướng huyện T đi hướng vòng xoay cổng 11. Khi đi đến đoạn đường (Km1859+250), thuộc khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường P, thành phố Đ) do không làm chủ được tốc độ, thiếu chú ý quan sát đã va chạm vào đuôi thùng rơ móc tự chế được kéo phía sau đầu máy là loại máy kéo nông nghiệp màu xanh, không biển số, số máy: DS1500-4435 do Nguyễn Văn T đang điều khiển, trong điều kiện không có giấy phép lái xe và đăng ký xe theo quy định, không có hệ thống đèn chiếu sáng ở đuôi rơ móc, lưu thông cùng chiều phía trước ở làn đường sát lề làm T1, K, H1 và xe mô tô ngã ra đường. Sau tai nạn giao thông do đề né tránh trách nhiệm Nguyễn Văn T điều khiển máy kéo nông nghiệp rời khỏi hiện trường. Hậu quả, Trần Chí T1, Giang Đông K và Nguyễn Thanh H1 tử vong. Đối với xe máy kéo nông nghiệp, không biển số, kéo theo thùng rơ móc tự chế phía sau do T điều khiển là loại phương tiện không được phép lưu thông trên đường bộ. Qua kiểm tra rà soát, đến ngày 13/3/2021 Cơ quan điều tra xác định được T là người đã điều khiển máy kéo gây ra tai nạn giao thông nên mời T về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận hành vi của mình như nội dung đã nêu trên.

- Vật chứng vụ án:

+ Xe máy kéo nông nghiệp màu xanh, không biển kiểm soát, số máy: DS1500-4435, kéo theo thùng rơ móc tự chế phía sau là phương tiện Nguyễn Văn T điều khiển gây tai nạn giao thông. Do phương tiện trên không đăng ký, không gắn biển số do cơ quan có thẩm quyền cấp nên không được phép tham gia giao thông đường bộ, chuyển xử lý cùng vụ án.

+ Xe mô tô biển số 59X1-580.17 nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh-bạc, số máy: G3D4E084514, số khung: 0610FY074711 là tài sản của Nguyễn Thanh H1, do H1 đã tử vong nên cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông Lê Văn B1 là người được ủy quyền nhận lại tài sản của chủ sở hữu.

- Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 07/3/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành

phổ Đ) xác định được vị trí, kích thước, chiều hướng dấu vết vụ tai nạn giao thông như sau:

1. Hiện trạng của đoạn đường nơi xảy ra tai nạn:

Là đoạn đường thẳng, dốc hướng T về Vòng xoay cổng 11, có dải phân cách bê tông ở giữa phân chia làm 2 chiều đường, một hướng từ T về cổng 11 và 1 hướng từ cổng 11 về T. Mỗi chiều đường được phân làm 3 làn đường có vạch sơn không liên tục phân chia làn đường.

Mặt đường trải nhựa bằng phẳng, chiều rộng mặt đường là 9 mét 30.

2. Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết:

(1) Vết cày xe mô tô 59X1-580.17

(2) Vị trí xe mô tô 59X1-580.17

(3) Vị trí nạn nhân

M1, M2: Vết dung dịch màu hồng (nghĩ là máu)

Trụ điện số 82/2/06 làm mốc.

3. Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn:

Hướng Trảng Bom đi về hướng vòng xoay cổng 11 lấy mép đường bên phải làm mép đường chuẩn.

Trụ điện số 82/2/06 là điểm mốc.

4. Mô tả theo số thứ tự vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết:

(1) Vết cày xe mô tô 59X1-580.17: đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 3 mét 40; đo chiều dài vết cày đến tâm trục bánh sau của (2) là 5 mét 90.

(2) Vị trí xe mô tô 59X1-580.17: nằm ngã nghiêng bên trái, đầu hướng mép đường chuẩn, đuôi xe hướng dải phân cách. Đo từ tâm trục bánh trước cách mép đường chuẩn là 3 mét 50, đo từ tâm trục bánh sau đến mép đường chuẩn là 4 mét 60.

(3) Vị trí nạn nhân: vẫn ở tư thế ngồi trên yên xe ở tư thế lái súng cùng ngã nghiêng về bên trái; đầu hướng về phía vòng xoay cổng A, chân hướng T. Đo từ đầu nạn nhân đến mép đường chuẩn là 3 mét 70. Đo từ chân phải (3) đến mép đường chuẩn là 3 mét 30.

M1: là dấu vết dung dịch màu hồng nghĩ là máu: đo từ tâm M1 cách mép đường chuẩn là 8 mét 20.

M2: là dấu vết dung dịch màu hồng nghĩ là máu: đo từ tâm M2 cách mép đường chuẩn là 8 mét 20.

Khoảng cách đo từ tâm M1 đến tâm M2 là 2 mét 10.

Khoảng cách đo từ tâm M1 đến trục bánh sau của (2) là 3 mét 70.

Trụ điện số 82/2/06 cách mép đường chuẩn là 3 mét 40, cách tâm trục bánh trước của (2) là 11 mét.

Tại biên bản khám phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 07/3/2021 đối với xe mô tô biển số 59X1-580.17.

1. Dấu vết trên phương tiện:

Toàn bộ phần phía trên đầu xe gồm ốp, mặt nạ, hệ thống đèn táp lô bị vỡ nát dè chắn bùn phía trước bị vỡ nát. Gấp chằng ba phuộc nhún phía trước bị cong gập hướng từ trước ra sau. Vành bánh xe phía trước bị cong theo hình số 8. Yếm chắn gió bên trái, bên phải bị bể gãy văng ra khỏi vị trí ban đầu. Yên xe gãy rời ra khỏi vị trí ban đầu. Cần đạp số bị cong gập sát vào lốc máy. Đầu gác để chân bên trái có vết mài mòn kim loại. Ốp sườn bên trái có vết mài mòn nhựa màu trắng. Tay nắm gác бага sau bên trái có vết mài mòn kim loại. Đầu ngoài tay amaya bên trái có vết mài mòn kim loại. Tay thắng bên phải bị cong theo hướng từ phải qua trái, đầu ngoài có vết mài mòn kim loại. Đầu ngoài tay cầm bên trái bị gãy văng ra khỏi vị trí ban đầu.

2. Kỹ thuật an toàn phương tiện:

Do tai nạn nên chưa kiểm tra được hệ thống an toàn phương tiện. Tại biên bản khám nghiệm hiện trường (dừng lại) ngày 13/4/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ) xác định được vị trí, kích thước, chiều hướng dấu vết vụ tai nạn giao thông như sau:

1. Hiện trạng của đoạn đường nơi xảy ra tai nạn: Là đoạn đường thẳng, dốc hướng T về Vòng xoay cổng 11, có dải phân cách bê tông ở giữa phân chia làm 2 chiều đường, một hướng từ T về cổng 11 và 1 hướng từ cổng 11 về T. Mỗi chiều đường được phân làm 3 làn đường có vạch sơn không liên tục phân chia làn đường. Mặt đường trải nhựa bằng phẳng, chiều rộng mặt đường là 9 mét 30.

2. Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết:

(1) Vết cày xe mô tô 59X1-580.17

(2) Vị trí xe mô tô 59X1-580.17

(3) Vị trí nạn nhân

(4) Vị trí xe máy cày kéo rơ-moóc

M1, M2: Vết dung dịch màu hồng (nghi là máu)

Trụ điện số 82/2/06 làm mốc.

3. Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn:

Hướng Trảng Bom đi về hướng vòng xoay cổng 11 lấy mép đường bên phải làm mép đường chuẩn.

Trụ điện số 82/2/06 là điểm mốc.

4. Mô tả theo số thứ tự vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết:

(1) Vết cày xe mô tô 59X1-580.17: đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 3 mét 40; đo chiều dài vết cày đến tâm trục bánh sau của (2) là 5 mét 90.

(2) Vị trí xe mô tô 59X1-580.17: nằm ngã nghiêng bên trái, đầu hướng mép đường chuẩn, đuôi xe hướng dải phân cách. Đo từ tâm trục bánh trước cách mép đường chuẩn là 3 mét 50, đo từ tâm trục bánh sau đến mép đường chuẩn là 4 mét 60.

(3) Vị trí nạn nhân: vẫn ở tư thế ngồi trên yên xe ở tư thế lái, cùng ngã nghiêng về bên trái; đầu hướng về phía vòng xoay cổng A, chân hướng T. Đo từ đầu nạn nhân đến mép đường chuẩn là 3 mét 70. Đo từ chân phải (3) đến mép đường chuẩn là 3 mét 30.

M1: là dấu vết dung dịch màu hồng nghi là máu: đo từ tâm \$M_1\$ cách mép đường chuẩn là 8 mét 20.

M2: là dấu vết dung dịch màu hồng nghi là máu: đo từ tâm \$M_2\$ cách mép đường chuẩn là 8 mét 20.

(4) Vị trí xe máy cày kéo rơ-moóc: dừng trên lề phải trên mặt đường bê tông hướng vào nhà dân; đầu hướng nhà dân; đuôi hướng mép đường chuẩn. Đo từ tâm trục bánh trước bên trái của đầu máy đến mép đường chuẩn là 5 mét 40; đo từ tâm trục bánh sau bên trái của rơ-moóc cách mép đường chuẩn là 1 mét 70.

Khoảng cách đo từ tâm M1 đến tâm M2 là 2 mét 10.

Khoảng cách đo từ tâm M1 đến trục bánh sau của (2) là 3 mét 70.

Khoảng cách đo từ tâm trục bánh trước của (2) đến tâm trục bánh sau bên phải của rơ-moóc (4) là 15 mét 40.

Trụ điện số 82/2/06 cách mép đường chuẩn là 3 mét 40, cách tâm trục bánh trước của (2) là 11 mét 00.

Tại biên bản khám phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 13/4/2021 đối với xe máy cày, không có biển số, số máy DS1500-4435.

1. Về giấy tờ: không có giấy tờ liên quan.

2. Dấu vết trên phương tiện: Tại vị trí góc đuôi bên trái phía dưới rơ moóc có dấu vết máu, dấu vết sinh học, trầy xước.

Tại Bản Kết luận giám định số 653/KL, ngày 27/4/2021 của Phòng K1 Công an thành phố Đ đã kết luận dấu vết cơ học trên phương tiện xe mô tô biển số 59X1-580.17 như sau:

Hệ thống dấu vết nứt vỡ, trượt xước, mài mòn tại các chi tiết phía trước: ốp nhựa đầu xe, cụm đèn trước, ốp mặt nạ, yếm chắn gió, vè chắn bùn bánh trước, bung khuyết yên xe, cong vênh biến dạng chạng ba phuộc trước cùng niềng bánh trước của xe mô tô biển số 59X1 – 580.17 có chiều hướng dấu vết từ trước ra sau, từ phải sang trái, hình thành do va chạm với các chi tiết: góc trái phía sau đuôi xe, nhíp giảm sóc cùng mặt lặn bánh sau bên trái rơ moóc kéo của xe cải tiến (không

biển số, số máy: DS1500-4435) khi hai xe va chạm trong trạng thái cùng chiều lưu thông.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp số: 362/TTĐKXCG ngày 23/11/2021 của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới về việc giám định tình trạng kỹ thuật động cơ và dung tích xy lanh đầu máy, không biển số kiểm soát, màu xanh, số máy DS1500-4435 kéo theo thùng xe phía sau, kết luận:

Đầu máy là loại máy kéo nông nghiệp; Thùng rơ móc được kéo phía sau là phương tiện tự chế, không nằm trong các loại phương tiện theo quy định của Luật giao thông đường bộ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 086/TT/2021 ngày 23/03/2021 của Trung tâm P kết luận: Trần Chí T1 tử vong do: Đa Chấn thương; Chấn thương đầu, mặt gây vỡ hộp sọ, gãy xương gò má phải, xương hàm dưới, dập thoát tổ chức não ra ngoài; Chấn thương ngực gây gãy mất 01 phần xương ức, xương sườn từ số 1 đến số 4 cung trước bên phải, gãy nhiều đốt sống ngực, dập đứt rời phổi phải, dập phổi trái, dập vỡ tim, dập đứt khí phế quản, rách cơ hoành; kết hợp chấn thương gãy 1/3 giữa xương cánh tay phải; Nồng độ cồn trong máu: 107,57 mg/100ml.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 087/TT/2021 ngày 23/03/2021 của Trung tâm P kết luận: Giang Đông K tử vong do: Chấn thương sọ não gây vỡ hộp sọ phức tạp, dập thoát tổ chức não ra ngoài.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 085/TT/2021 ngày 23/03/2021 của Trung tâm P kết luận: Nguyễn Thanh H1 tử vong do: Đa chấn thương; chấn thương ngực gây dập rách nhu mô phổi, ngập máu khí phế quản; chấn thương bụng gây vỡ gan phức tạp, bầm tụ máu rốn thận, chảy máu ổ bụng; kết hợp chấn thương gãy 1/3 giữa xương cánh tay phải, gãy đầu gối xương đùi phải; hậu quả gây xuất huyết dưới nội tâm mạc.

- Về dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho đại diện gia đình bị hại Trần Chí T1 là anh Huỳnh Cao N và 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho đại diện gia đình bị hại Giang Đông K và Nguyễn Thanh H1 là ông Lê Văn B1. Anh N và ông B1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại cho T.

Tại Cáo trạng số 73/CT-VKSKV1 ngày 26/3/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho đại diện gia đình bị hại Trần Chí T1 là anh Huỳnh Cao N và

20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho đại diện gia đình bị hại Giang Đông K và Nguyễn Thanh H1 là ông Lê Văn B1.

Về án phí: Đề nghị bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ và hợp lệ; bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận vào khoảng 00 giờ 50 phút ngày 07/03/2021, tại đoạn đường (Km1859+250), thuộc khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường P, thành phố Đ) xảy ra va chạm giao thông giữa máy kéo nông nghiệp không biển số, không đăng ký theo quy định, kéo theo thùng rơ móc tự chế do bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển (T không có giấy phép lái xe theo quy định) với xe mô tô biển số 59X1-580.17 do Trần Chí T1 điều khiển chở theo sau là G1 Đông Khỏe và Nguyễn Thanh H1, gây ra hậu quả T1, K và H1 tử vong. Sau tai nạn bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển máy kéo nông nghiệp rời khỏi hiện trường. Đến ngày 13/3/2021 hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T bị phát hiện xử lý theo quy định.

Hành vi của bị cáo xâm phạm đến an toàn giao thông và tính mạng người khác được pháp luật bảo vệ và vi phạm khoản 4, 17, 23 Điều 8 và khoản 2 Điều 57 của Luật giao thông đường bộ năm 2008. Gây hậu quả chết 03 người. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 3 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, có phần lỗi của bị hại, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường trách nhiệm dân sự và được đại diện hợp pháp của bị hại làm đơn bãi nại. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy hành vi của bị cáo gây hậu quả rất nghiêm trọng làm cho 03 bị hại chết nên Hội đồng xét xử xử phạt tù đối với bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời giáo dục, răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt của bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho đại diện gia đình bị hại Trần Chí T1 là anh Huỳnh Cao N và 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho đại diện gia đình bị hại Giang Đông K và Nguyễn Thanh H1 là ông Lê Văn B1 nên được đại diện bị hại làm đơn bãi nại. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Xe máy kéo nông nghiệp màu xanh, không biển kiểm soát, số máy: DS1500-4435, kéo theo thùng rơ moóc tự chế phía sau.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4, 17, 23 Điều 8 và khoản 2 Điều 57 của Luật giao thông đường bộ năm 2008;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/11/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ: Xe máy kéo nông nghiệp màu xanh, không biển kiểm soát, số máy: DS1500-4435, kéo theo thùng rơ moóc tự chế phía sau.

(Các vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/5/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra (PC01) Công an thành phố Đ và Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 thành phố Đ).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đồng Nai;
- VKSND TP. Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an TP. Đồng Nai (PV06);
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai;
- Công an phường Phước Tân, TP. Đồng Nai;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Trí